

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Lương Khoa;
 2. Bà Nguyễn Thị Thu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Ngọc Ái Linh – Thư ký viên
- Đại diện VKSND khu vực 6 – Đồng Nai: không tham dự.

Ngày 12/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST – HNGĐ ngày 28/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1979 (có mặt).
 - *Bị đơn*: Ông Trần Hùng T1, sinh năm 1978 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp C, xã X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2025, các bản tự khai, và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, bà và ông T1 tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2000 tại UBND xã B (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai). Trong thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và không có cùng quan điểm trong việc xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái, thiếu tôn trọng nhau. Ông T1 tuy vẫn phụ giúp bà chăm sóc con cái nhưng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó, ông bà thường xuyên cãi vã khiến tình cảm gia đình đổ vỡ, vợ chồng không thể cùng nhau tiếp tục xây dựng một gia đình hạnh phúc. Bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông T1 nên làm đơn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Lê Nhật T2 – sinh ngày 20/8/2016; cháu Trần Lê Nhật T3 – sinh ngày 06/10/2001 và cháu Trần Lê Phương T4 – sinh ngày 25/9/2004. Cháu T3 và cháu T4 đã đủ tuổi trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi

đưỡng cháu T2 đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc, bị đơn ông Trần Hùng T1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bà T nghi ngờ ông nuôi người khác bên ngoài chứ thật ra ông không có. Ông không đồng ý ly hôn vì ông muốn vợ chồng cùng nhau lo cho con. Đặt trường hợp Tòa án giải quyết cho 02 vợ chồng ly hôn thì ông T1 đồng ý giao cháu T2 cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông có bao nhiêu sẽ chu cấp cho con bấy nhiêu, không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Thu T có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp con chung với ông Trần Hùng T1 cư trú tại: ấp C, xã X, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thu T được xác định là nguyên đơn, ông Trần Hùng T1 là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông T1 nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[4] Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Trần Hùng T1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai). Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng theo bà T là do tính tình không hợp nhau và không có cùng quan điểm trong việc xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái, thiếu tôn trọng nhau, ông T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Ông T1 xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bà T nghi ngờ ông bên ngoài nuôi người khác, ông đề nghị bà T cho ông cơ hội để vợ chồng cùng nhau lo cho con. Tại phiên tòa, bà T vẫn cương quyết ly hôn, ông T1 được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không

hợp tác. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa hai người đã rạn nứt nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nên cần thiết cho bà T được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Bà T, ông T1 thống nhất giao cháu Trần Lê Nhật T2 – sinh ngày 20/8/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy, sự thỏa thuận của ông bà là tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên ghi nhận.

- Về cấp dưỡng: bà T không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con nên tạm thời ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung: Theo các đương sự là không có và cũng không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển tiền bà T nộp tạm ứng án phí thành án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thu T được ly hôn với ông Trần Hùng T1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Nhật T2 – sinh ngày 20/8/2016 cho bà Lê Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Khi cần thiết, bà T – ông T1 có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: theo các đương sự là không có và cũng không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6. Về án phí: Bà Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026835 ngày 16/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Xuân Lộc (nay là Phòng thi hành án khu vực 6) thành án phí. Bà Lê Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tùng